

Số: 128/QĐ-BQLDA

Lai Châu, ngày 18 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Nhiệm vụ, dự toán chuẩn bị đầu tư và
Kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn lập Báo nghiên cứu khả thi
Dự án: Hồ chứa nước Giang Ma, tỉnh Lai Châu**

**GIÁM ĐỐC BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
CÁC CÔNG TRÌNH NN&PTNT TỈNH LAI CHÂU**

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3100/QĐ-BNN-KH ngày 15/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Hồ chứa nước Giang Ma, tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Báo cáo số 1544/BC-XD-TĐ ngày 04/10/2021 của Cục Quản lý XDCT về việc thẩm định, phê duyệt Nhiệm vụ, dự toán chuẩn bị đầu tư giai đoạn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Hồ chứa nước Giang Ma, tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Công văn số 6448/BNN-XD ngày 07/10/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt Nhiệm vụ, dự toán chuẩn bị đầu tư giai đoạn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Hồ chứa nước Giang Ma, tỉnh Lai Châu;

Theo đề nghị của Phòng Kỹ thuật tại Tờ trình ngày 15 tháng 10 năm 2021 và Báo cáo thẩm định số 125/BC-KQTD ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Phòng Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ, dự toán chuẩn bị đầu tư và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Hồ chứa nước Giang Ma, tỉnh Lai Châu với các nội dung chính sau:

1. Thông tin chung về dự án

- 1. Tên dự án:** Hồ chứa nước Giang Ma, tỉnh Lai Châu.
- 2. Địa điểm đầu tư:** Huyện Tam Đường và TP. Lai Châu, Tỉnh Lai Châu.
- 3. Chủ đầu tư:** Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh Lai Châu.
- 4. Nhóm dự án:** Dự án nhóm B, công trình Nông nghiệp và PTNT.

5. Mục tiêu, nhiệm vụ dự án: Khai thác hiệu quả nguồn nước mặt của suối Nậm So và suối Hang Dơi, xây dựng hồ chứa nước để cung cấp nước tưới cho 220ha đất canh tác; tạo nguồn cấp nước sinh hoạt 8.000m³/ngày.đêm cho nhà máy nước thành phố Lai Châu; góp phần cải tạo cảnh quan môi trường, thúc đẩy phát triển du lịch và các ngành kinh tế khác.

6. Quy mô đầu tư dự kiến:

- Xây dựng mới hồ chứa nước Giang Ma trên suối Hang Dơi có dung tích khoảng 1,8 triệu m³, bao gồm các hạng mục: Đập chính và đập phụ là đập đất, tràn xả lũ dạng tràn tự do, cống lấy nước và hệ thống kênh chính dài khoảng 5km, đường kính D= (315÷630).

- Xây dựng đập dâng Nậm So trên suối Nậm So bằng BTCT và tuyến ống dẫn nước từ đập dâng về hồ Giang Ma dài khoảng 1,9km.

7. Tổng mức đầu tư dự kiến: 340,5 tỷ đồng.

8. Cơ cấu nguồn vốn: Vốn NSNN do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý

9. Thời gian thực hiện dự án: 04 năm kể từ năm khởi công.

10. Dự kiến tiến độ thực hiện và kế hoạch bố trí vốn cho dự án:

- Chuẩn bị dự án: 2020-2022; Thực hiện dự án: 2022-2025.
- Kế hoạch bố trí vốn: 340 tỷ đồng trong giai đoạn 2021-2025.

11. Tiêu chuẩn áp dụng:

- QCVN 04-05:2012/BNNPTNT: Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về thiết kế;

- TCVN 12845:2020: Công trình thủy lợi - thành phần nội dung lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi và báo cáo kinh tế - kỹ thuật;

- TCVN 8477:2018: Công trình thủy lợi - yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa chất trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;
- TCVN 8478:2018: Công trình thủy lợi - yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa hình trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;
- Các tiêu chuẩn xây dựng hiện hành liên quan.

II. Nội dung nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư:

1. Khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi:

a) Điều tra, thu thập tài liệu phục vụ công tác lập Báo cáo NCKT:

Thành phần, khối lượng đã khảo sát điều tra giai đoạn trước (các quy hoạch, dân sinh kinh tế - xã hội, sông ngòi, khí tượng - thủy văn, tài nguyên thiên nhiên,...) phù hợp đặc điểm, quy mô dự án, đáp ứng yêu cầu được tận dụng phục vụ công tác lập Báo cáo nghiên cứu khả thi. Trong quá trình thực hiện lập Báo cáo nghiên cứu khả thi tiến hành điều tra cập nhật, bổ sung những tài liệu có sự biến động.

b) Khảo sát địa hình, địa chất:

Thành phần, khối lượng khảo sát địa hình, địa chất thực hiện theo tiêu chuẩn TCVN 8478:2018, TCVN 8477:2018 và quy định pháp luật hiện hành. Đảm bảo phù hợp với tiêu chuẩn và đặc điểm, quy mô các hạng mục công trình.

c) Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi:

Thành phần, nhiệm vụ lập Báo cáo nghiên cứu khả thi theo Điều 54 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, được bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14 và Mục 6 TCVN 12845-2020 và các quy định pháp luật về xây dựng hiện hành.

2. Lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Thành phần, nội dung nhiệm vụ dự kiến để thực hiện công tác lập hồ sơ bồi thường, hỗ trợ tái định cư theo các quy định Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 và các Nghị định, quy định pháp luật hiện hành, phù hợp trong giai đoạn NCKT. Trong quá trình thực hiện phải rà soát tận dụng tối đa các tài liệu đã có (trong giai đoạn lập đề xuất chủ trương đầu tư), lấy ý kiến của địa phương về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

3. Lập hồ sơ cấp phép khai thác sử dụng nước mặt:

Thành phần, nội dung công việc để thực hiện công tác lập xin cấp phép khai thác nước mặt của dự án theo Thông tư 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014; Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ và các quy định hiện hành.

4. Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường:

Thành phần, nội dung công việc để thực hiện lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ; Quyết định số 5199/QĐ-BNN-KHCN ngày 27/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và các quy định hiện hành.

III. Dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư:

Tổng chi phí là: 5.127.477.000 đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).

IV. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).

1. Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu: *(Biểu số 01- Phụ lục II).*
2. Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: *(Biểu số 02 - Phụ lục II).*
3. Tổng giá trị các phần công việc: *(Biểu số 03 - Phụ lục II).*

Điều 2. Tổ chức thực hiện: Giao Phòng Kế hoạch - Tài chính, Phòng Kỹ thuật triển khai thực hiện các bước tiếp theo đảm bảo tuân thủ đúng các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng các Phòng chuyên môn Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh Lai Châu và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ NN&PTNT (b/c);
- Cục QLXD công trình (b/c);
- Lãnh đạo Ban;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Bá Nho

Phụ lục I: Dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư - Giai đoạn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi

Dự án: Hồ chứa nước Giang Ma, tỉnh Lai Châu

(Kèm theo Quyết định số 128/QĐ-BQLDA ngày 18/10/2021 của Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT tỉnh Lai Châu)

Đơn vị: 1.000 đồng

TT	Hạng mục chi phí	Diễn giải	Tỷ lệ	Giá trị
I	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng			4.342.917
1	Lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng	TT 12/2021/TT-BXD	3%	70.650
2	Khảo sát địa hình, địa chất	Dự toán		2.355.000
3	Giám sát khảo sát xây dựng	TT 11/2021/TT-BXD	3,921%	92.329
4	Lập báo cáo nghiên cứu khả thi	TT 12/2021/TT-BXD	0,377%	772.850
5	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Dự toán		459.810
6	Lập hồ sơ cấp phép khai thác sử dụng nước mặt	Dự toán		311.987
7	Lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	Dự toán		113.893
8	Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu	TT 12/2021/TT-BXD	0,601%	18.798
9	Thẩm tra thiết kế cơ sở (*)	TT 12/2021/TT-BXD	0,025%	51.250
10	Thẩm tra tổng mức đầu tư và các nội dung khác của báo cáo nghiên cứu khả thi (*)	TT 12/2021/TT-BXD	0,047%	96.350
II	Chi phí quản lý dự án	Tạm tính	3%	130.288
III	Chi phí khác			230.119
1	Chi phí thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (**)	Tạm tính		69.000
2	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	TT 56/2018/TT-BTC		56.000
3	Phí thẩm định hồ sơ cấp phép khai thác, sử dụng nước mặt	TT 270/2016/TT-BTC		23.400
4	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu	NĐ 63/2014/NĐ-CP	0,1%	3.128
5	Chi phí thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi	TT 12/2021/TT-BXD		22.140
6	Phí thẩm định dự án	TT 209/2016/TT-BTC	0,0088%	29.964
7	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	TT 10/2020/TT-BTC	0,570%	26.487
IV	Chi phí dự phòng			424.153
	TỔNG CỘNG			5.127.477

* Chỉ triển khai sau khi có ý kiến của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định tại khoản 8 Điều 15 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP và khoản 6 Điều 7 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP.

** Thuộc kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quy định tại Điều 3 và Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 74/2015/TT-BTC. Giá trị thực tế sẽ được cập nhật vào tổng mức đầu tư hạng mục bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi phê duyệt dự án.

Phụ lục II: Kế hoạch lựa chọn nhà thầu - Giai đoạn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi

Dự án: Hồ chứa nước Giang Ma, tỉnh Lai Châu

(Kèm theo Quyết định số 128/QĐ-BQLDA ngày 18/10/2021 của Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT tỉnh Lai Châu)

Biểu số 01: Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu

TT	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Giá trị (triệu đồng)
1	Chi phí quản lý dự án	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh Lai Châu	130,288
2	Lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng	nt	70,650
3	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu	nt	3,128
4	Chi phí thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi	Bộ Nông nghiệp và PTNT	22,140
5	Phí thẩm định dự án	nt	29,964
6	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	nt	26,487
7	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	nt	56,000
8	Phí thẩm định hồ sơ cấp phép khai thác sử dụng nước mặt	nt	23,400
9	Chi phí thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư		69,000
10	Chi phí dự phòng		424,153
Tổng giá trị phần công việc: 855,210 triệu đồng			

Biểu số 02: Phân công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu

STT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (tr.đồng)	Nguồn vốn	Thời gian cấp vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Gói thầu số 05: Lập HSMT thầu; đánh giá HSDT gói thầu Khảo sát, lập Báo cáo NCKT	18,798	Vốn NSNN do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý	Năm 2021-2025	Chỉ định thầu rút gọn		Quý IV/2021	Trọn gói	02 tháng
2	Gói thầu số 06: Khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	3.127,850		Năm 2021-2025	Đấu thầu rộng rãi, qua mạng	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Quý IV/2021	Trọn gói	06 tháng
3	Gói thầu số 07: Giám sát khảo sát xây dựng	92,329		Năm 2021-2025	Chỉ định thầu rút gọn		Quý IV/2021	Trọn gói	06 tháng
4	Gói thầu số 08: Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	459,810		Năm 2021-2025	Chỉ định thầu rút gọn		Quý IV/2021	Trọn gói	03 tháng
5	Gói thầu số 09: Lập hồ sơ cấp phép khai thác sử dụng nước mặt	311,987		Năm 2021-2025	Chỉ định thầu rút gọn		Quý IV/2021	Trọn gói	03 tháng
6	Gói thầu số 10: Lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	113,893		Năm 2021-2025	Chỉ định thầu rút gọn		Quý IV/2021	Trọn gói	03 tháng
7	Gói thầu số 11: Thẩm tra thiết kế cơ sở, tổng mức đầu tư và các nội dung khác của Báo cáo NCKT	147,600		Năm 2021-2025	Chỉ định thầu rút gọn		Quý II/2022	Trọn gói	01 tháng
Tổng giá trị các gói thầu: 4.272,267 triệu đồng									

Ghi chú: Gói thầu số 11 (Thẩm tra thiết kế cơ sở, tổng mức đầu tư và các nội dung khác của Báo cáo NCKT) chỉ triển khai sau khi có ý kiến của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định tại Khoản 8 Điều 15 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP và Khoản 6 Điều 7 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP.

Biểu số 03: Tổng giá trị các phần công việc

TT	Nội dung	Giá trị (đồng)
1	Tổng giá trị phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu	855.210.000
2	Tổng giá trị phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu	4.272.267.000
	Tổng giá trị các phần công việc	5.127.477.000